UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: /2024/QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày tháng 12 năm 2024*

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-HĐND ngày 30/5/2022 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số ..../TTr-SKHCN ngày /12/2024 và Báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày tháng năm 2024 của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học và công nghệ về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan.

c) Khuyến khích cơ quan, tổ chức có hoạt động duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Chuẩn đo lường* là phương tiện kỹ thuật để thể hiện, duy trì đơn vị đo của đại lượng đo và được dùng làm chuẩn để so sánh với phương tiện đo hoặc chuẩn đo lường khác.

2. *Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường* là dịch vụ công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, do đơn vị sự nghiệp công thực hiện, phục vụ quản lý nhà nước về đo lường, được Nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện.

3. *Quy trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước* là trình tự, thủ tục, cách thức thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

4. *Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường* là mức hao phí cần thiết về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư để hoàn thành một đơn vị sản phẩm (hoặc một khối lượng công việc nhất định) trong điều kiện cụ thể phục vụ quản lý nhà nước.

5. Các từ ngữ khác được hiểu theo quy định tại Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011 và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan.

Điều 3. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên quy định tại Quyết định này được xây dựng trên cơ sở 13 (mười ba) quy trình thực hiện dịch vụ tương ứng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các thành phần sau:

a) *Định mức lao động* là mức tiêu hao lao động cần thiết của người lao động theo chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự

nghiệp công về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

Định mức lao động là thời gian lao động trực tiếp và gián tiếp cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm hoặc để thực hiện một bước công việc hoặc thực hiện một công việc cụ thể và thời gian lao động trong quá trình kiểm tra nghiệm thu sản phẩm. Trong đó:

a1) Định mức lao động trực tiếp là thời gian thực hiện xong một dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí thời gian lao động trong định mức được tính bằng công;

a2) Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) quy định theo tỷ lệ là 10 phần trăm (%) của định mức lao động trực tiếp.

Định mức lao động = Định mức lao động trực tiếp (thực hiện) +
Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ)

b) *Định mức máy móc, thiết bị* là thời gian sử dụng cần thiết đối với từng loại máy móc, thiết bị để hoàn thành một dịch vụ sự nghiệp công về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên; đơn vị tính là ca. Nội dung định mức sử dụng máy móc thiết bị bao gồm:

- Danh mục, chủng loại máy móc, thiết bị;

- Thông số kỹ thuật cơ bản của máy móc, thiết bị;

- Thời gian sử dụng từng chủng loại máy móc, thiết bị bao gồm: thời gian máy chạy có tải (tiêu hao vật tư, điện năng, nhiên liệu trong thời gian sử dụng); thời gian máy chạy không tải (không tiêu hao vật tư);

- Tổng hợp định mức máy móc, thiết bị.

c) *Định mức vật tư* là mức tiêu hao từng loại nguyên, nhiên vật liệu, vật tư cần thiết để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Nội dung định mức sử dụng vật tư gồm:

- Danh mục, chủng loại vật tư, vật liệu cần thiết để sản xuất theo từng nội dung công việc tạo ra một đơn vị sản phẩm;

- Số lượng/khối lượng theo từng loại vật tư, căn cứ vào chủng loại thiết bị, thời gian máy chạy có tải (tiêu hao vật tư);

- Tỷ lệ (%) thu hồi vật tư, căn cứ vào đặc điểm, tính chất của vật tư để tính tỷ lệ (%) thu hồi;

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của vật tư, mô tả thông số kỹ thuật của từng loại vật tư phù hợp để thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công.

3. Chi tiết 13 (mười ba) định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên được ban hành tại Quyết định này như sau:

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường: Bộ quả cân chuẩn E2 (B2413668/VMC-23 quả); bộ quả cân chuẩn F1 (G0601276/KERN & SOHN GMBH - 12 quả); bộ quả cân chuẩn f1 (17/TTĐLVN - 12 quả); bộ quả cân chuẩn F2 (08-99/TTĐLVN - 12 quả); bộ quả cân chuẩn F2 (01/TTĐLVN - 12 quả); bộ quả cân chuẩn F2 (09-99/TTĐLVN - 6 quả), cân so sánh tại Phụ lục I kèm theo Quy định này;

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường: Bộ quả cân chuẩn M1 (M1/VIỆT NAM - 1.239 quả) tại Phụ lục II kèm theo Quy định này;

c) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường: Bình chuẩn kim loại (273/TTĐLVN - 2 L; 89A2M/TTĐLVN - 2 L; 35/TTĐLVN - 5 L; 640/TTĐLVN - 5 L; 33/TTĐLVN - 10 L; 650/TTĐLVN - 10 L; 33/TTĐLVN - 20 L; 35/TTĐLVN - 20 L; 33/TTĐLVN - 50 L; 89A1M/TTĐLVN - 100 L và các thiết bị đi cùng chuẩn đo lường tại Phụ lục III kèm theo Quy định này;

d) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường: Bình chuẩn kim loại (1057-1; 1057-2/Việt Nam - (9,5÷21) L); bình chuẩn kim loại (1057-5;1057-6/Việt Nam - (47,5÷105) L); bình chuẩn kim loại (1057-9; 1057-10/Việt Nam – (285÷525) L và các thiết bị đi cùng chuẩn đo lường tại Phụ lục IV kèm theo Quy định này;

đ) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường: Áp kế chuẩn kiểu hiện số (363439/CRYSTAL/USA - (0÷2,06) bar); áp kế chuẩn kiểu hiện số (917773/DRUCK/ĐỨC - (0÷50) bar); áp kế chuẩn kiểu hiện số (700190331/SPMK/TRUNG QUỐC - (0÷100) bar); áp kế chuẩn kiểu hiện số (211H17620058/ADDITEL/MỸ - (0÷700) bar); áp kế chuẩn kiểu hiện số (933693/ĐỨC - (0÷20) bar); áp kế chuẩn kiểu hiện số (934174/ĐỨC – (0÷250) bar); áp kế chuẩn kiểu lò xo (2583/ĐÀI LOAN – (0÷4,9) bar); chuẩn huyết áp kế điện tử (5160002/ BPPUMP2M/MỸ - (50÷400) mmHg (53 kpa)) và thiết bị đi cùng chuẩn đo lường tại Phụ lục V kèm theo Quy định này;

e) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường: Thiết bị kiểm định công

tơ điện xoay chiều 1 pha (1911389/TRUNG QUỐC - HC3801/Z1901020); thiết bị kiểm định công tơ điện xoay chiều 1 pha (2005174/TRUNG QUỐC-HC3801/2001026 và các thiết bị đi cùng chuẩn đo lường tại Phụ lục VI kèm theo Quy định này;

g) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường: Thiết bị kiểm định công tơ điện xoay chiều 3 pha (0701028/TRUNG QUỐC - HC3100/0701012); thiết bị kiểm định công tơ điện xoay chiều 3 pha (2109343/TRUNG QUỐC - HC3100/Z2011485) và các thiết bị đi cùng chuẩn đo lường tại Phụ lục VII kèm theo Quy định này;

h) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường: Chuẩn dùng để kiểm định phương tiện đo điện tim (V08-TB-CT 2017/74ĐT/VIỆT NAM); chuẩn dùng để kiểm định phương tiện đo điện não (V08-TB-CT 2017/74ĐN/VIỆT NAM) và các thiết bị đi cùng chuẩn đo lường tại Phụ lục VIII kèm theo Quy định này;

i) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường: Bộ thấu kính chuẩn kiểm định phương tiện đo tiêu cự kính mắt (V11.CN5.419.19 - ITALIA) và các thiết bị đi cùng chuẩn đo lường tại Phụ lục IV kèm theo Quy định này;

k) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường: Chuẩn đo lường lưu động kiểm định Taximet (140911/t+m ing-buero/đức); chuẩn đo lường lưu động kiểm định Taximet (20933/T+MING-BUERO/ĐỨC) và các thiết bị đi cùng chuẩn đo lường tại Phụ lục X kèm theo Quy định này;

l) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường: Thước vạch chuẩn (I53-09-61/MAX LEVY/MỸ - KIỂU EA-026 (0÷1000) mm) và các thiết bị đi cùng chuẩn đo lường tại Phụ lục XI kèm theo Quy định này;

m) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường: Nhiệt kế thủy tinh-chất lỏng (819/LWS/ĐỨC-(34÷52)^{0}C); nguồn chuẩn vật đen và các thiết bị đi cùng chuẩn đo lường tại Phụ lục XII kèm theo Quy định này;

n) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường: Lò chuẩn nhiệt độ (Pulsar- 35CU-2I/R85821/DE 25338399/LR-CAL); lò chuẩn nhiệt độ (SOLAR-2I-2/R85821/DE 25338399/LR-CAL); bộ đo nhiệt độ đa kênh (LR 8450/210808341/Nhật Bản - (-50÷300)^{0}C); nguồn chuẩn vật đen (KP21/06-

VIỆT NAM) và các thiết bị đi cùng chuẩn đo lường tại Phụ lục XIII kèm theo Quy định này.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Một định mức kinh tế - kỹ thuật về duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường có thể được áp dụng cho một hoặc một nhóm các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tương đồng về quy trình thực hiện, giống nhau về tính chất, phương tiện và trình tự thực hiện các hạng mục công việc của dịch vụ.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật trên không bao gồm hao phí dịch vụ thuê ngoài cần thiết để hoàn thiện từng bước quy trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường (đi lại, liên kết chuẩn,…) nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo đúng tiêu chí, tiêu chuẩn của cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền, triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ duy trì, bảo quản và sử dụng đối với chuẩn đo lường mới có sự tương đồng về quy trình thực hiện, giống nhau về tính chất, phương tiện và trình tự thực hiện các hạng mục công việc so với chuẩn đo lường được ban hành định mức kinh tế kỹ thuật tại Quyết định này, giao cho Sở Khoa học và Công nghệ xem xét tính tương đồng và quyết định áp dụng quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ duy trì, bảo quản và sử dụng đối với chuẩn đo lường mới và không áp dụng được định mức ban hành tại Quyết định này, giao Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tiếp tục xây dựng và ban hành bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, nếu phát sinh vướng mắc, bất cập các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và xử lý kịp thời theo quy định.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Thủ

trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&CN (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;
- TT.TU; TT.HĐND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về Pháp luật);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH